

Số: 226A/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 02 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 142/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Anh Hoàng Hữu M**, sinh năm: 1995; địa chỉ: Số 88 K, phường K, thành phố H, tỉnh T.

2. **Chị Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm: 1995; địa chỉ: đường F, phường Thuận Hoà, thành phố H, tỉnh T.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Hữu M và chị Nguyễn Thị Ngọc B thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Hoàng Hữu M và chị Nguyễn Thị Ngọc B xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là: Hoàng Hữu A, sinh ngày: 21/9/2014.

Anh M, chị B thỏa thuận: Giao con chung Hoàng Hữu A cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung một tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng),

thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Hoàng Hữu M và chị Nguyễn Thị Ngọc B xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Anh Hoàng Hữu M và chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí mà anh M chị B đã nộp đủ theo Biên lai số AA/2013/009660 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Hữu M và chị Nguyễn Thị Ngọc B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh M, chị B thoả thuận: Giao con chung Hoàng Hữu A cho chị B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); anh M phải phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Anh M và chị B xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh M và chị B xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh M và chị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự; được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà anh M, chị B đã nộp đủ theo Biên lai số AA/2013/009660 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Thuận Hoà, TP H
(ĐKKH số 70, ngày 02/7/2014);
- Lưu dấu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thúc M